

SỐ LIỆU KINH TẾ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CỦA AI CẬP

Ngân hàng Trung ương Ai Cập (CBE) trong tháng 5 đã công bố các chỉ số kinh tế và tài chính quan trọng. Theo đó, tổng nợ nước ngoài của Ai Cập tính đến hết tháng 12/2025 đạt 163,9 tỷ USD, tăng 5,7% so với mức nợ 155,1 tỷ USD ghi nhận tại thời điểm cuối tháng 12/2024 nhưng CBE đánh giá vẫn nằm trong tầm kiểm soát an toàn nhờ cơ cấu nợ dài hạn chiếm phần lớn. Ngoài ra, dự trữ ngoại hối quốc gia (NIRS) tiếp tục tăng lên mức cao kỷ lục 53,0 tỷ USD vào cuối tháng 4/2026 giúp ổn định tỷ giá hối đoái và thị trường ngoại hối. Mặc dù vậy, lạm phát toàn phần (y/y) tháng 4/2026 vẫn tăng lên 14,9% so với mức lạm phát 13,9% cùng kỳ năm 2025. Nhằm kiềm chế lạm phát, Ủy ban Chính sách tiền tệ (MPC) trong cuộc họp ngày 21/5 tiếp tục giữ nguyên lãi suất tiền gửi cơ bản ở mức 19% và lãi suất cho vay ở mức 20% trong khi dự báo lạm phát năm 2026 sẽ tăng lên mức 16% -17% (so với mức dự báo 11% trước đây) cho thấy Ai Cập đang đối mặt với áp lực lạm phát ngắn hạn do biến động địa chính trị khu vực. Về trao đổi thương mại, theo số liệu của Cơ quan Thống kê và Huy động công trung ương (CAPMAS), tổng kim ngạch XNK 2 tháng đầu năm 2026 của Ai Cập đạt 26,3 tỷ USD tăng 3,9% so với 2 tháng đầu năm 2025, trong đó xuất khẩu đạt 8,0 tỷ USD (giảm 13,2%), nhập khẩu 18,3 tỷ USD (tăng 13,6%) và thâm hụt thương mại 10,3 tỷ USD (tăng 49,1%).

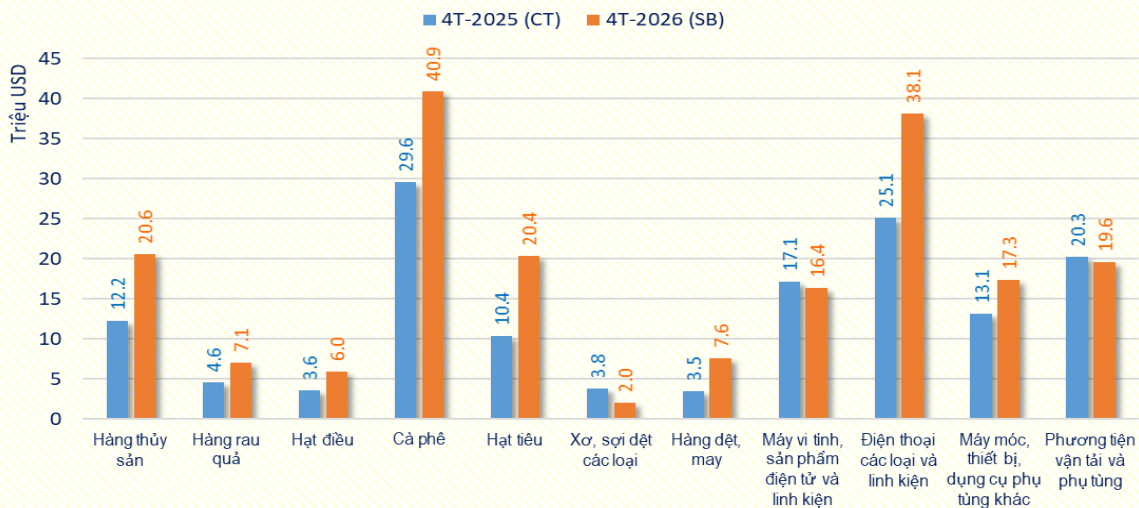
CHÍNH SÁCH, QUY ĐỊNH XNK MỚI BAN HÀNH

- ✚ Bộ Đầu tư và Ngoại thương Ai Cập áp thuế tự vệ có hiệu lực từ tháng 4/2026 đến tháng 9/2028 đối với các mặt hàng phôi thép (billet) và thép tấm nhập khẩu theo cơ chế giảm dần theo năm. Mức thuế áp ban đầu như sau: (i) Phôi thép (HS 7207): 13,12% (tối thiểu 70 USD/tấn); (ii) Thép tấm cán nóng (HRC): 13,6% (min. 76 USD/tấn); (iii) Thép tấm cán nguội (CRC): 13,7% (min. 83 USD/tấn); (iv) Thép mạ kẽm (HDG/GI): 14,0% (min. 93 USD/tấn); (v) Thép mạ màu (PPGI): 14,5% (min. 122 USD/tấn).
- ✚ Quyết định số 190 của Bộ Đầu tư và Ngoại thương Ai Cập áp dụng thuế xuất khẩu 90 USD/tấn đối với phân bón chứa nitơ trong thời gian 3 tháng, hiệu lực từ ngày 5/5/2026.

XUẤT KHẨU VIỆT NAM-AI CẬP 4 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

Theo số liệu sơ bộ của Cục Hải quan Việt Nam, kim ngạch xuất khẩu 4 tháng đầu năm 2026 của Việt Nam sang thị trường Ai Cập đạt 223 triệu USD, tăng 29,9% so với kim ngạch xuất khẩu (chính thức) cùng kỳ năm 2025. Các nhóm hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng gồm hạt điều (tăng 66,9%), hạt tiêu (96,6%), hàng dệt may (120%), rau quả (54,3%), thủy sản (68,6%) và cà phê (38,2%). Nhóm hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm là máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện (giảm 4,2%), xơ, sợi dệt các loại (-46,5%) và phương tiện vận tải, phụ tùng (-3,3%).

Kim ngạch xuất khẩu 4 tháng đầu năm 2026 sang Ai Cập



BẢN TIN THỊ TRƯỜNG AI CẬP THÁNG 5 NĂM 2026

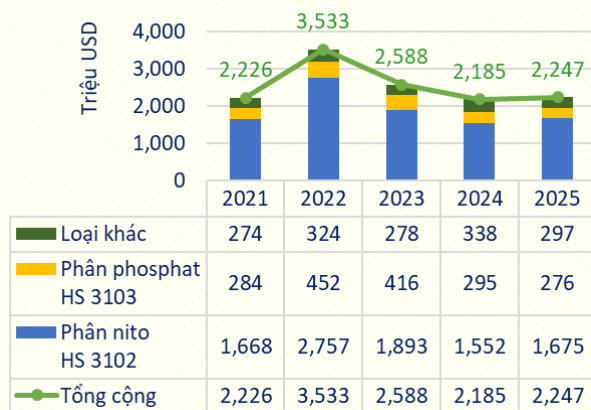
Thị phần một số mặt hàng của Việt Nam nhập khẩu vào Ai Cập trong 2 tháng đầu năm 2026

STT	Mặt hàng	Kim ngạch NK (Triệu USD)	Thị phần các nhà cung cấp chính tại Ai Cập (Tổng hợp từ số liệu của Hải quan Ai Cập)
1	Cà phê	65,4	Indonesia 46,6%, Brazil 11,3%, Việt Nam 10,3% .
2	Hồ tiêu	18,1	Brazil 47,4%, Việt Nam 42,9% .
3	Hạt điều	7,9	Việt Nam 49,1% , Brazil 45,2%.
4	Cơm dừa	7,6	Việt Nam 46% , Indonesia 37%, Sri Lanka 10,8%.
5	Phi lê cá	7,6	Việt Nam 96,5% .
6	Cá ngừ đóng hộp	27,3	Thái Lan 75,9%, Việt Nam 16,7% , TQ 4,3%.
7	Cao su tự nhiên	11,0	Malaysia 46,1%, Bờ Biển Ngà 17,0%, Thái Lan 16,5%, Việt Nam 14,4% .
8	Lốp xe cao su	81,6	Trung Quốc 27,8%, Việt Nam 17% , Thái Lan 13,3%, Thổ Nhĩ Kỳ 11,0%.
9	Giày, dép	32,3	TQ 43%, Việt Nam 17,6% , Indonesia 12,4%.
10	Sợi filament tái tạo	7,3	Indonesia 60,7%, Việt Nam 20,4% , TQ 10,6%.
11	Sợi từ xơ staple tổng hợp	24,9	Trung Quốc 39,5%, Ấn Độ 31,0%, Indonesia 10,6%, Thổ Nhĩ Kỳ 9,4%, Việt Nam 6,2% .
12	Điện thoại	244,4	Trung Quốc 82%, Việt Nam 6,6% , Mexico 0,8%.
13	Loa, tai nghe	10,9	Trung Quốc 67,7%, Việt Nam 14,1% .
14	Mô-đun màn hình	102,7	Trung Quốc 87,3%, Việt Nam 3,6% .
15	Máy biến điện	123,8	Trung Quốc 70,2%, Việt Nam 1,6% .

XUẤT KHẨU PHÂN BÓN VÀ QUẶNG PHOSPHATE CỦA AI CẬP GIAI ĐOẠN 2021-2025

Theo số liệu của Hải quan Ai Cập, kim ngạch xuất khẩu phân bón của Ai Cập (mã HS 31) giai đoạn 2021-2025 trung bình đạt gần 2,6 tỷ USD trong đó giá trị xuất khẩu phân khoáng và phân hóa học có chứa nitơ (mã HS 3102) chiếm khoảng 75% tổng kim ngạch xuất khẩu. Các quốc gia châu Âu, bao gồm Pháp, Ý, Tây Ban Nha và Romania là đối tác hàng đầu nhập khẩu lớn phân đạm từ Ai Cập để thay thế nguồn cung sụt giảm từ Nga. Ngoài ra, Braxin là quốc gia ngoài EU nhập khẩu ổn định phân bón từ Ai Cập, với giá trị nhập khẩu dao động quanh mức 200 - 300 triệu USD/năm.

Ai Cập – Xuất khẩu phân bón (HS 31)



Ai Cập - XK quặng phosphat (HS 2510)



Xuất khẩu quặng phosphat/apatit (mã HS 2510) của Ai Cập tăng 126% về kim ngạch trong giai đoạn từ 2021 đến 2025, đạt 513 triệu USD. Các thị trường xuất khẩu chính là Ấn Độ và Indonesia trong khi xuất khẩu sang Việt Nam có sự gia tăng đột biến trong năm 2025, đạt khoảng 230 ngàn tấn với kim ngạch 39 triệu USD (chiếm 7,5% tổng kim ngạch xuất khẩu quặng phosphat). Ai Cập nằm trong nhóm các quốc gia có trữ lượng quặng phosphat lớn, ước tính từ 1,3 đến 2,8 tỷ tấn. Trong chiến lược giảm xuất khẩu nguyên liệu thô và tối đa hóa giá trị nguồn tài nguyên, Ai Cập ưu tiên sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng cao như axit phosphoric và phân bón, đồng thời cho phép xuất khẩu quặng khai thác dư thừa./.